

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 09/5/2025
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Như Lữ; ông Lường Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên;

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Lò Thị H**, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Bản G, xã G, huyện Đ, tỉnh Đ, có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Lò Văn L**, sinh năm: 1986

Nơi cư trú: Bản C, xã G, huyện Đ, tỉnh Đ. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/4/2025 và trong quá trình xét xử, Nguyên đơn bà Lò Thị H trình bày:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Tôi và chồng tôi là ông Lò Văn L sau một thời gian tìm hiểu nhau đã tự nguyện đến Ủy ban nhân dân xã Luân Giới, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 128 ngày 02/6/2006. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông Lò Văn L nghiện ma túy, vợ chồng chúng tôi đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân đã L vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vì vậy tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông giải quyết cho tôi được ly hôn với ông L.

[2]. Về con chung:

Đương sự có 02 con chung, là cháu Lò Văn Tiến, sinh ngày 24/8/2006 và

cháu Lò Thị Phương Na, sinh ngày 21/9/2010. Tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Lò Thị Phương Na cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Lò Văn Tiến đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lò Văn L:

Toà án đã thông báo hợp lệ về việc thụ lý vụ án; được Toà án triệu tập hợp lệ đến làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ nhưng ông L vắng mặt, không nêu ý kiến phản hồi về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Ngày 22/4/2025 Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử (xét xử vào ngày 07/5/2025), Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, nguyên đơn bà H có mặt, bị đơn ông L vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và thông báo mở lại phiên tòa vào ngày 09/5/2025, thông báo cũng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con với bị đơn. Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt của bị đơn ông Lò Văn L:

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ cho ông Lò Văn L tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa, ngày 07/5/2025 ông L không đến phiên tòa và không có đơn xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho ông Lò Văn L. Do đó, căn cứ vào Khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: bà H và ông L kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân giữa bà Hạnh và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H:

Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông L. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại bà H không còn tình cảm với ông L. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông L là tính cách không hợp nhau, ông L nghiện ma túy, mặc dù đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên bảo nhưng ông L vẫn không cai được nghiện, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Chính quyền địa phương cũng xác nhận trong quá trình sống chung bà H và ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã L vào tình trạng trầm trọng. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc bà Hạnh cho rằng hai vợ chồng không còn hạnh phúc, bà H không còn tình cảm với ông L là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định bà H và ông L không còn tình cảm, không cùng chung sống nuôi dạy con cái, vun vén hạnh phúc gia đình. Vì vậy, đã làm cho hôn nhân L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Lò Thị H, giải quyết cho bà Lò Thị H ly hôn với ông Lò Văn L.

Về con chung: Đương sự có 02 con chung, là cháu Lò Văn Tiến, sinh ngày 24/8/2006 và cháu Lò Thị Phương Na, sinh ngày 21/9/2010. Đối với cháu Tiến đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Phương Na bà H yêu cầu được nuôi cháu Na cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động, về cấp dưỡng nuôi con chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy rằng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông L không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án về quan điểm của mình, như vậy cho thấy rằng bản thân ông L tự tước bỏ các quyền đó. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại bà H là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lò Thị Phương Na, sinh ngày 21/9/2010. HĐXX căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu Lò Thị Phương Na cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà H không yêu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên hội đồng xét xử không xem xét. Ông L có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ: bà Lò Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết, trong quá trình giải quyết vụ án ông Lò Văn L không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] **Về án phí:** Quá trình giải quyết vụ án bà Lò Thị H có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tại phiên tòa bà H tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí DSTT cho bà, bởi vì, bản thân và gia đình chị là người dân tộc Thái đang cư trú tại bản Giỏi A, xã Luân Giói, huyện Điện Biên Đông nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần áp dụng Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lò Thị H là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 53, Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn bà Lò Thị H được ly hôn với bị đơn ông Lò Văn L.

2. Về con chung:

Đương sự có 02 con chung là cháu Lò Văn Tiến, sinh ngày 24/8/2006 và cháu Lò Thị Phương Na, sinh ngày 21/9/2010. Đối với cháu Tiến đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Giao cháu Lò Thị Phương Na, sinh ngày 21/9/2010 cho bà Lò Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Na thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

3. Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lò Thị H được miễn án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lò Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/5/2025). Bị đơn ông Lò Văn L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- CCTHADS huyện ĐBĐ;
- Phòng TTr, KT - THA TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã Luân Giới;
- Lưu: HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Quang